CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà

Ngày 30/06/2025	15,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.3%	**30.2%**	**39.2%**

DT thuần
Q2/25
188
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 27.0| 16.6%
YoY: ▲ 54.0| 40.1%

LN thuần
Q2/25
17.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.60| 10.4%
YoY: ▲ 7.66| 81.3%

LN sau thuế
Q2/25
4.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.53| -57.2%
YoY: ▲ 0.45| 10.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
17.4%
YoY: +/-▼ 7.3%

ROE (TTM)
Q2/25
1.5%
YoY: +/-▼ 0.1%

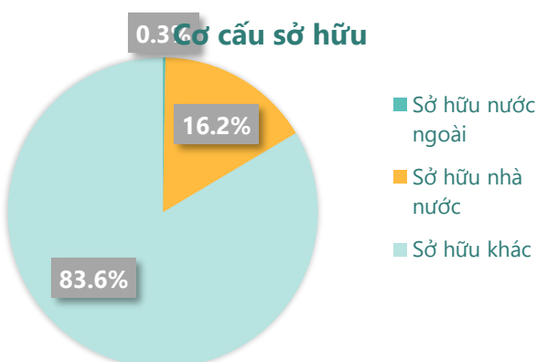
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,910 - 15,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,449
Số lượng CPLH (CP)	95,935,049
KLGD BQ 20 phiên (CP)	994,050
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.11
EPS	384
P/E	39.3

DT thuần
6T 2025
348
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 79.0| 29.3%

LN thuần
6T 2025
32.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.10| 33.2%

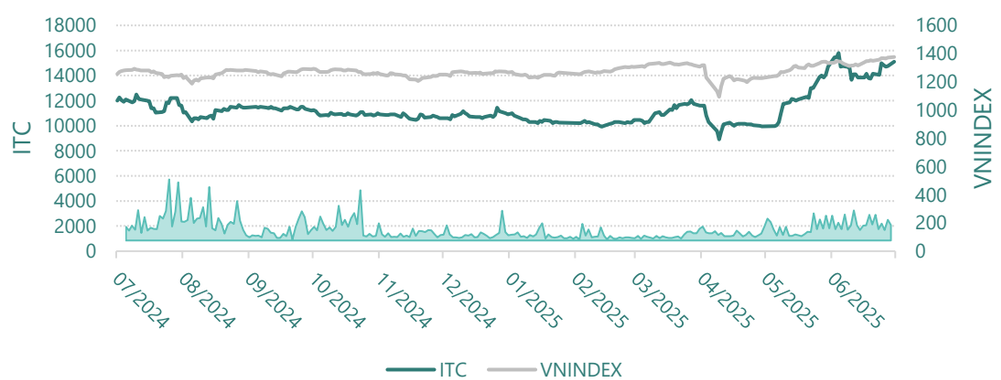
LN sau thuế
6T 2025
16.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 6.1%

Cơ cấu sở hữu

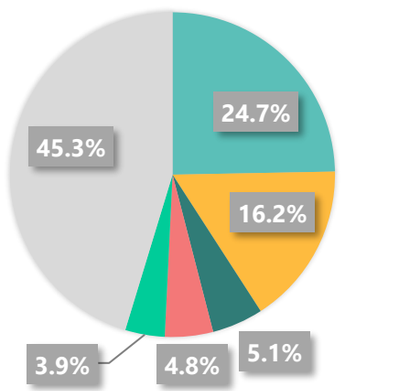


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



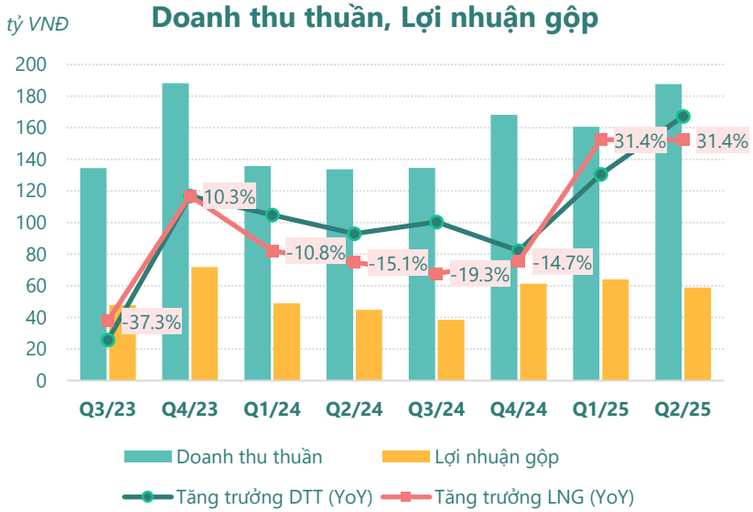
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

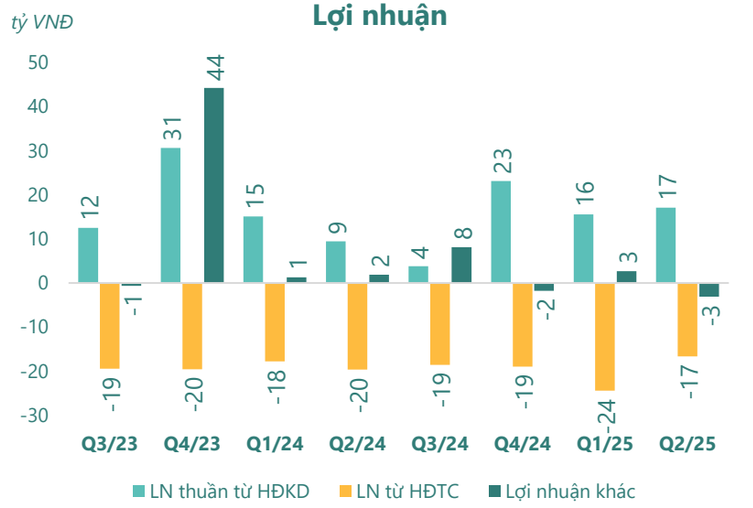
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



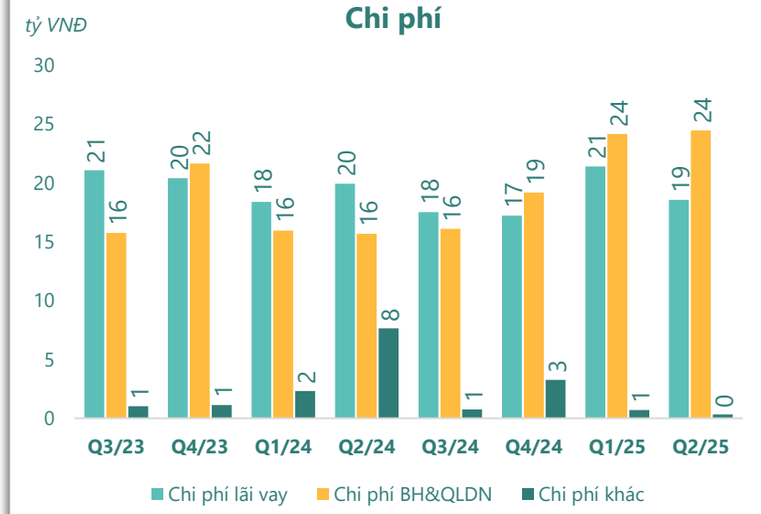
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



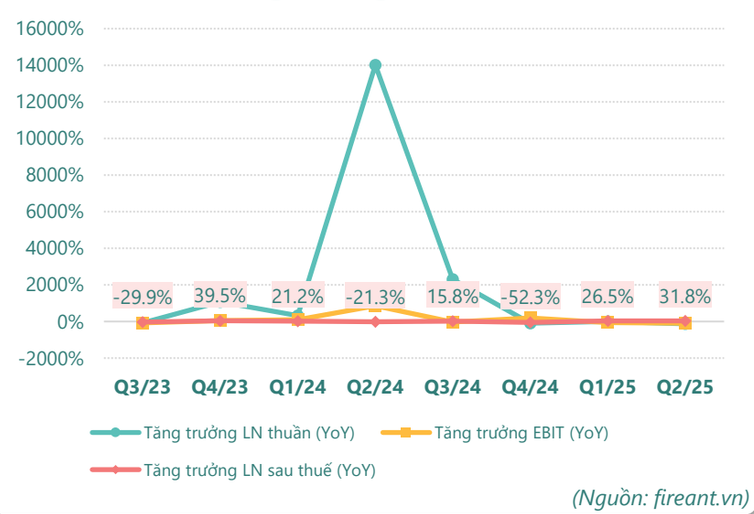
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



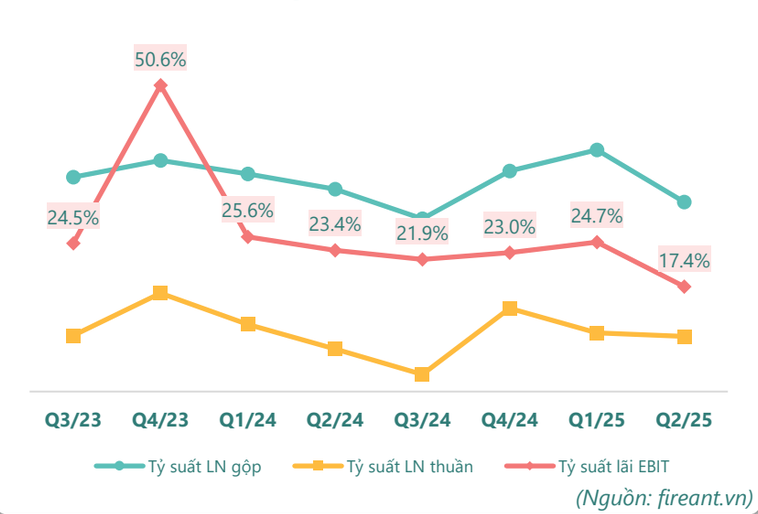
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



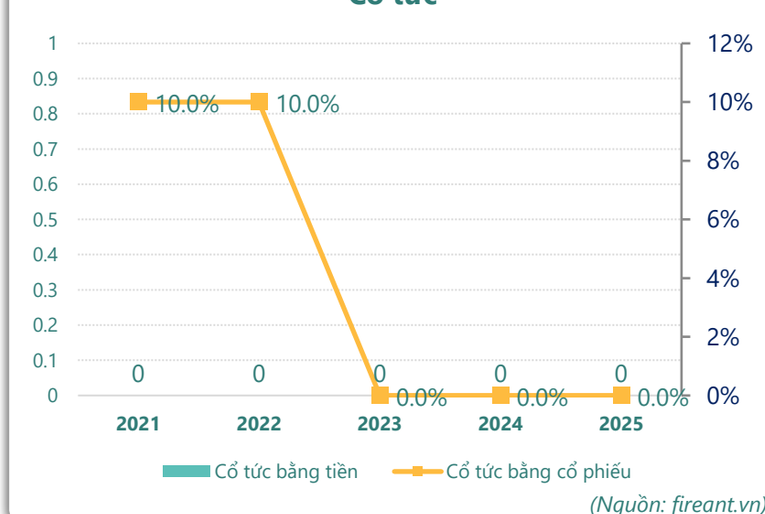
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

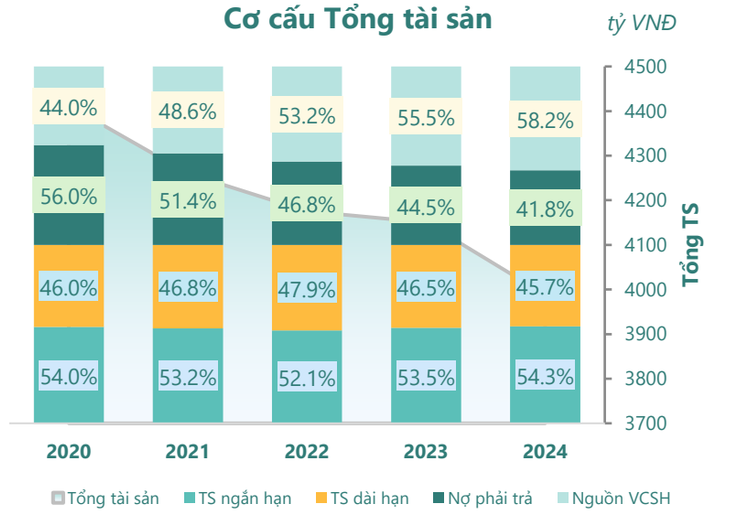
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

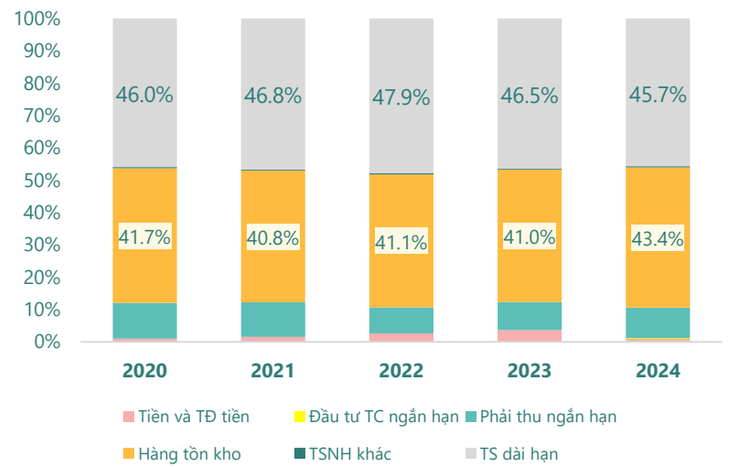
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



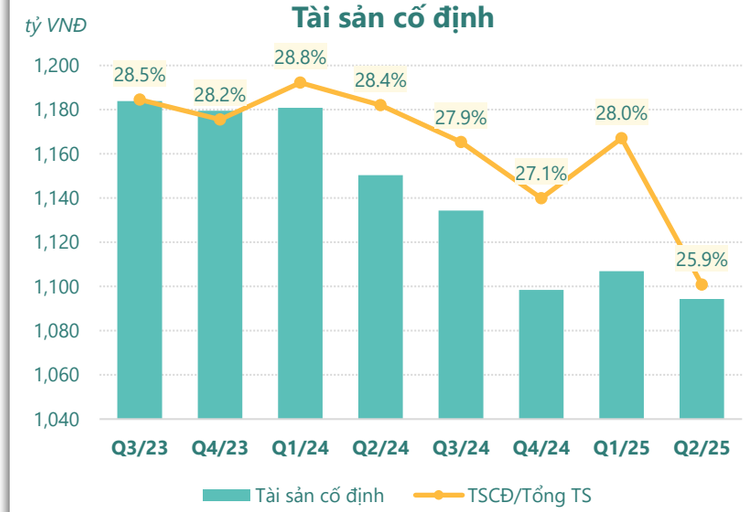
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



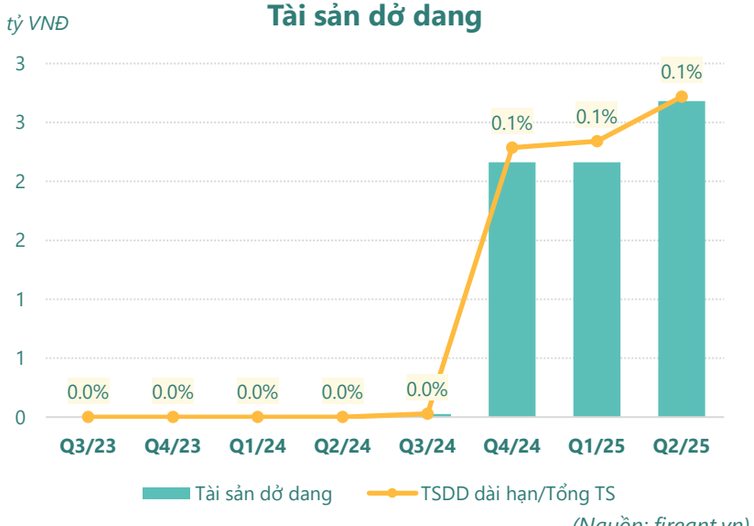
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



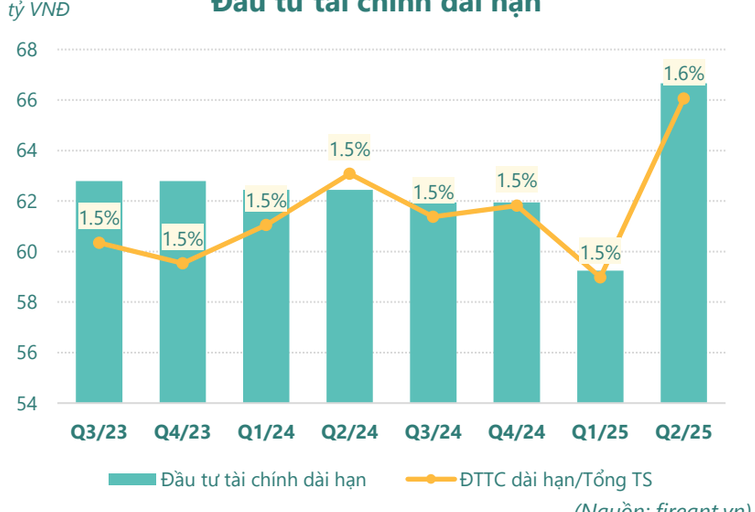
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



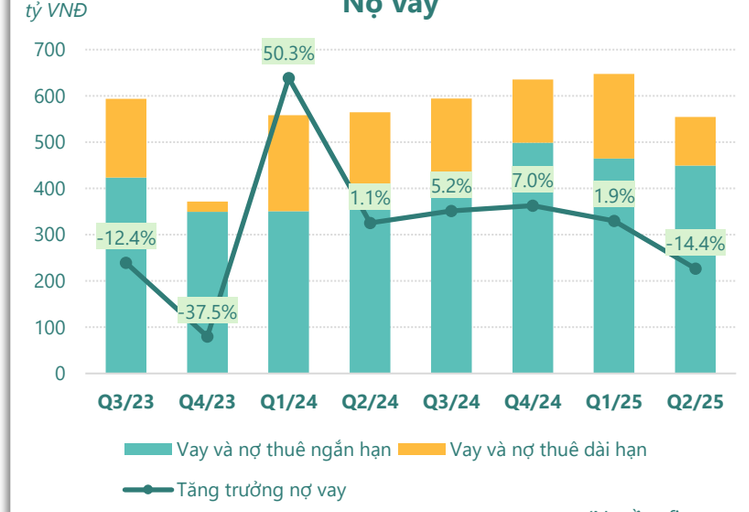
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

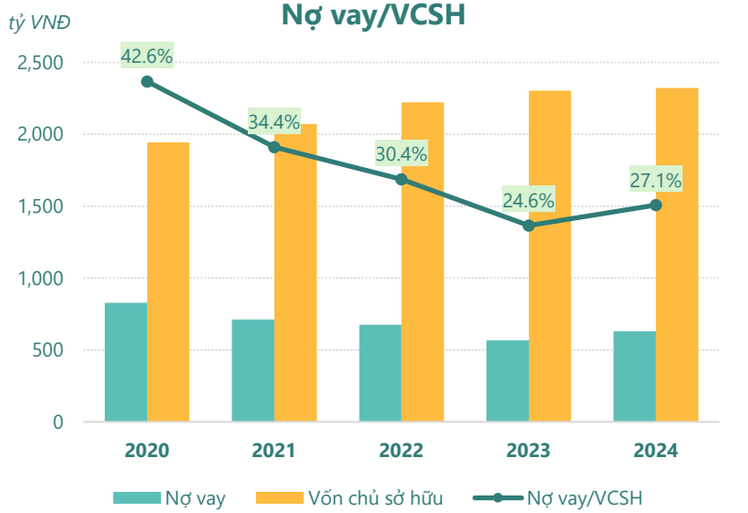
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

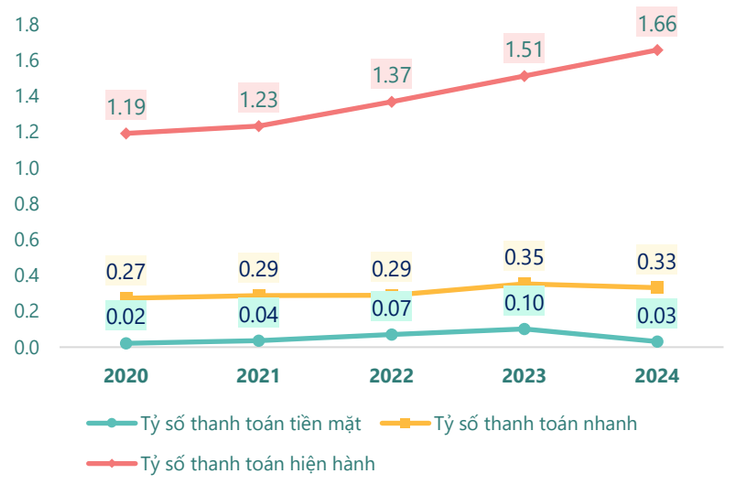
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



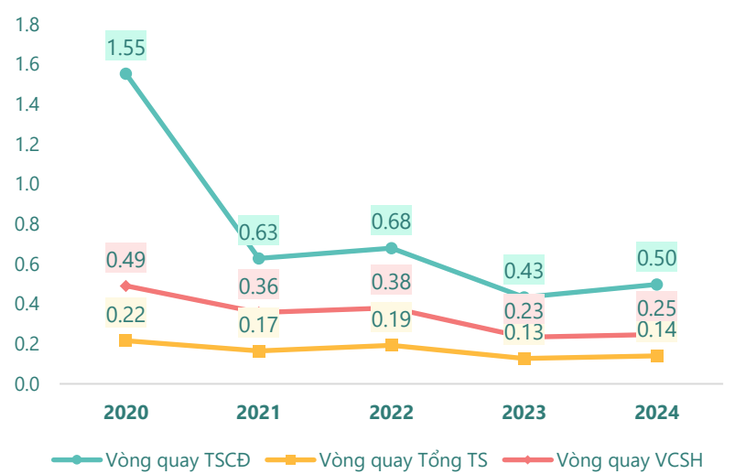
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



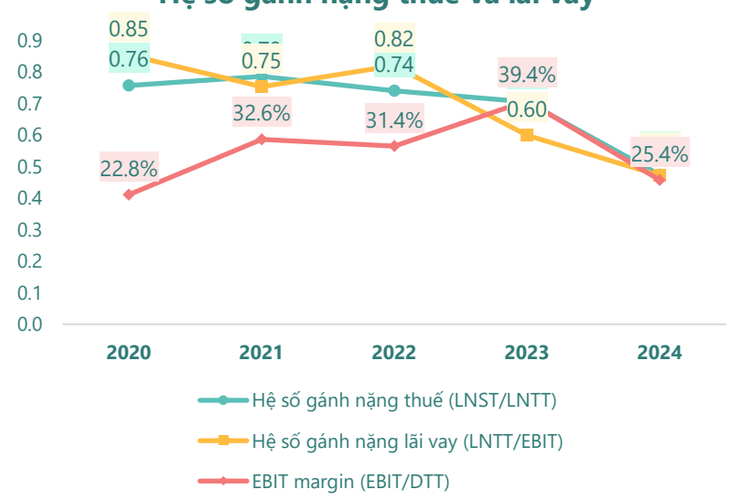
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



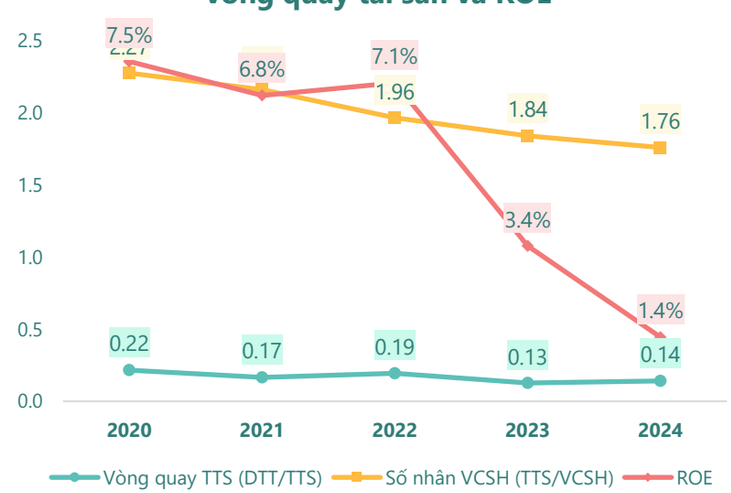
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



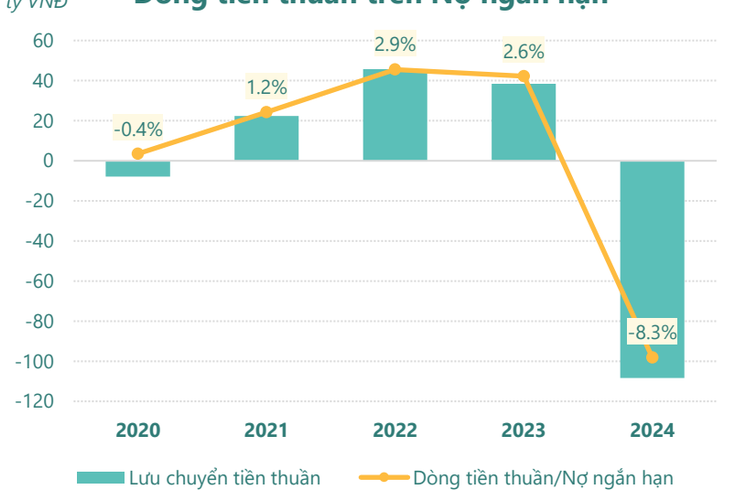
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**188**	**134**	**40.1%**	**348**	**269**	**29.3%**
Giá vốn hàng bán	129	89.0	44.8%	225	176	28.1%
Lợi nhuận gộp	58.8	44.8	31.3%	123	93.6	31.4%
Doanh thu HĐTC	0.07	0.31	-76.6%	0.08	0.95	-91.1%
Chi phí TC	16.7	19.9	-15.9%	41.2	38.4	7.4%
Chi phí lãi vay	18.6	19.9	-6.6%	40.0	38.4	4.3%
LN trong công ty LKLD	**-0.57**	**0.00**		**-0.57**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.55	1.45	213%	10.0	2.97	236%
Chi phí QLDN	**19.9**	**14.2**	**40.4%**	**38.7**	**28.7**	**34.8%**
LN thuần từ HĐKD	17.1	9.44	81.3%	32.6	24.5	33.2%
Lợi nhuận khác	**-3.11**	**1.85**	**-268%**	**-0.41**	**3.10**	**-113%**
LN trước thuế	14.0	11.3	23.9%	32.2	27.6	16.8%
Lợi nhuận sau thuế	**4.87**	**4.42**	**10.3%**	**16.3**	**15.3**	**6.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.34**	**6.05**	**4.9%**	**17.6**	**15.5**	**13.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.1	5.03	36.6	-5.00	-9.60	383
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.03	-2.46	20.3	8.58	0.01	-12.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.0	-10.7	-70.0	-59.3	3.41	-79.0
Tiền đầu kỳ	149	124	116	103	46.9	40.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-25.1**	**-8.11**	**-13.0**	**-55.8**	**-6.18**	**292**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.10	0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	124	116	103	47.0	40.8	327

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,225**	**3,988**	**5.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,428	2,165	12.2%
Tiền và tương đương tiền	327	40.5	706%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.2	6.40	59.4%
Phải thu ngắn hạn	350	374	-6.4%
Hàng tồn kho	1,731	1,732	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	10.3	11.9	-13.7%
Tài sản dài hạn	**1,796**	**1,823**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	11.9	19.9	-40.3%
Tài sản cố định	1,094	1,108	-1.2%
Bất động sản đầu tư	579	587	-1.5%
Tài sản dở dang	2.68	2.16	24.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	66.7	61.2	8.9%
Tài sản dài hạn khác	**42.4**	**44.9**	**-5.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,512	1,666	-9.2%
Nợ ngắn hạn	**1,243**	**1,306**	**-4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	449	445	1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	103	121	-15.5%
Nợ dài hạn	269	359	-25.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	105	185	-43.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,712**	**2,323**	**16.8%**
Vốn chủ sở hữu	**2,712**	**2,323**	**16.8%**
Vốn điều lệ	964	964	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)